

TIẾP CẬN LÝ THUYẾT GIAO DỊCH - HỒI ỨNG TRONG DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG Ở VIỆT NAM

TRẦN QUỐC KHẢ*

Ngày nhận bài: 12/09/2016; ngày sửa chữa: 20/09/2016; ngày duyệt đăng: 20/09/2016.

Abstract: The crucial contents of theory of transaction-response focus on balance relationships and the role of writer, literature works and readers in the process of Vietnamese literature works reception from the angle of readers. The article also gives some notes in applying this method to teaching in order to promote the positive and interest of students and enhance education quality at schools.

Keywords: Transaction-response theory, Vietnamese Literature Works, readers.

1. Lý thuyết giao dịch - hồi ứng khởi phát tại Hoa Kỳ vào những năm 30 của thế kỉ XX từ các công trình nghiên cứu của tác giả Louise Michelle Rosenblatt, sau đó được tiếp nối, phát triển và tiếp tục vận dụng vào dạy học văn ở nhà trường phổ thông với tên tuổi của các tác giả như R.W.Beach, J.D.Marshall, S.Fish, R.E.Probst, J.A.Langer,... Có thể xem đây là những nghiên cứu theo “trường phái” Hoa Kỳ trong hệ thống các lí thuyết định hướng người đọc. Giao dịch - hồi ứng đã được nghiên cứu và “chuyển giao” từ lí luận vào vận dụng, hiện diện trong các công trình về phương pháp dạy học, trong thực tiễn dạy học văn ở phổ thông của Hoa Kỳ cùng nhiều quốc gia khác và đạt được những hiệu quả nhất định. Mặc dù đã ra đời từ khá lâu và được vận dụng khá thành công trên nhiều quốc gia, nhưng khi “chuyển giao” vào một quốc gia khác, với nền văn hoá khác, những khác biệt về ngôn ngữ, với khác biệt trong truyền thống dạy học..., chắc hẳn sẽ khó tránh khỏi những trở ngại, những hướng tiếp cận, đặc biệt trong vận dụng thiếu chuẩn xác theo tinh thần của lí thuyết...

Để góp phần vận dụng thành công lí thuyết giao dịch - hồi ứng với nhiều ưu điểm khi khẳng định vai trò chủ thể tiếp nhận - bạn đọc trong các thành tố hình thành nên tác phẩm văn chương, gắn gũi với thực tiễn dạy học văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam trong xu hướng phát triển năng lực người học, gắn học tập với cuộc sống, tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS); đồng thời khắc phục hạn chế có thể có, chúng tôi thiết nghĩ việc tìm hiểu những quan điểm cơ bản của lí thuyết này là điều có ý nghĩa.

2. Một số vấn đề cơ bản của lí thuyết giao dịch - hồi ứng

Trong hệ thống lí thuyết giao dịch - hồi ứng của L.M. Rosenblatt, thuật ngữ ban đầu được bà sử dụng

cho những phát hiện lí luận và ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy của mình là “giao dịch” (transaction). Mặc dù chữ “giao dịch” được nhắc đến ngay từ công trình đầu tay “*Literature as Exploration*” (Văn học là sự khám phá) [1] ra đời năm 1938 nhưng chính thức được xác định như là một “lí thuyết” từ bài báo khoa học của bà xuất hiện năm 1969 trên tạp chí *Hành vi Đọc* có tên “Hướng đến một lí thuyết giao dịch đọc”, sau đó là cuốn sách xuất bản năm 1978 với tên gọi “*The Reader, the Text, the Poem: The Transactional Theory of the Literary Work*” (Người đọc, Văn bản, Bài thơ: Lí thuyết giao dịch của tác phẩm văn học)[2]. Kể từ đó, trong các công bố khoa học cũng như trong các bài phỏng vấn, trao đổi, chia sẻ với bạn đọc và giáo viên giảng dạy bộ môn *Nghệ thuật ngôn ngữ tiếng Anh* (English language Arts) của tác giả, “giao dịch” trở thành thuật ngữ khoa học xác định.

Trong cuốn sách thứ hai, khi bàn về quá trình giao dịch giữa độc giả và văn bản, từ “hồi ứng” (response) đã được nhắc đến và làm rõ nội hàm theo quan niệm của L.M. Rosenblatt. Nhắc đến giao dịch thực chất đã hàm chứa cả khía cạnh “hồi ứng” bên trong, bởi như quan niệm của người viết, trong một giao dịch bao giờ cũng có hai dòng suối không thể phân tách là sự “gợi lên” và những “hồi ứng”, phản hồi, cộng hưởng, kết nối, đánh giá,... của người đọc với những gì được gợi lên từ hoạt động giao dịch (đọc) đó. Tuy vậy, khi vận dụng lí thuyết này vào thực tiễn dạy học văn ở trường phổ thông trong bối cảnh tập trung nghiên cứu hoạt động học và vai trò của người học trở thành trung tâm của sự chú ý; sự trở lại sân khấu rực rỡ, những “cát cánh” đầu “muộn màng” của người đọc gắn với kĩ học tiếp nhận trong lí thuyết văn chương, các nhà nghiên cứu tiếp bước tư tưởng

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

của L.M.Rosenblatt đã chọn một điểm nhấn trong nội hàm của thuật ngữ “giao dịch” để định danh lí thuyết, đó là “hồi ứng” của người đọc. Nhìn từ góc độ này, lí thuyết của L.M.Rosenblatt được tiếp tục phát triển theo hướng tìm tòi nhấn mạnh hơn nữa những nghiên cứu về bản chất của hồi ứng ở bạn đọc HS, đặc biệt là cách thức khơi gợi, tổ chức các hoạt động hồi ứng thực sự có hiệu quả để nâng cao chất lượng dạy học văn trong nhà trường, cũng như những bổ khuyết cho các giới hạn của lí thuyết ở các công trình của “người khai mở”.

Quá trình độc giả làm việc với văn bản đã được các nhà nghiên cứu định danh bằng nhiều thuật ngữ hoặc sự mô tả khác nhau. Tuy nhiên, theo nữ giáo sư, “chúng ta cần phải giải phóng mình khỏi những giả định nghiên cứu thiếu căn trọng, tiềm ẩn trong các thuật ngữ và cấu trúc ngôn ngữ của chúng ta (...). Người đọc, chúng ta có thể nói, họ diễn giải các văn bản (đọc tác động lên văn bản). Hoặc chúng ta có thể nói, văn bản tạo ra một hồi ứng trong người đọc (văn bản tác động lên người đọc). Mỗi thuật ngữ hàm ý một dòng duy nhất trong hành động của một yếu tố riêng biệt lên một yếu tố riêng biệt khác, bóp méo thực tế quá trình đọc. Mối quan hệ giữa độc giả và văn bản không phải tuyến tính. Đó là một tình huống, một sự kiện tại một thời gian và địa điểm cụ thể, trong đó yếu tố này là điều kiện cho yếu tố kia” [2; tr 18]. Lập luận đó đã dẫn đến việc lựa chọn thuật ngữ “giao dịch”, vốn được gợi ý từ các công trình nghiên cứu của J.Dewey và A.F.Bentley - các nhà triết học hành dụng. Thuật ngữ này cũng tìm thấy điểm tựa thuyết phục trong nghiên cứu của các nhà tâm lí học như tâm lí học phát sinh nhận thức của Jean Piaget, “tâm lí học giao dịch” dựa trên các nghiên cứu của Adelbert Ames và Hadley Cantril, nhà tâm lí William James với khái niệm “chọn lọc sự chú ý” và một số nhà ngôn ngữ học khác. Nó còn là sự hội tụ phát triển của nghiên cứu triết học trong mối quan hệ “chủ thể” và “đối tượng”; sự phát triển nhảy vọt của lĩnh vực vật lí là nghiên cứu “sự tương tác”; mối quan hệ “người quan sát” với “sự quan sát”,... Nhận thức luận hành dụng của J.Dewey tỏ ra thích hợp với hệ hình tư duy mới đó. Cùng với Arthus F. Bentley, J.Dewey đã đề xuất thuật ngữ “giao dịch” trong cuốn sách “*Sự nhận thức và điều được nhận thức*”. Các tác giả tin rằng thuật ngữ “tương tác” gắn bó rất chặt với mô hình thực chứng cũ, ở đó, mỗi yếu tố, đơn vị được xác định trước một cách riêng biệt, va chạm, tác động đến nhau. Với hệ hình tư duy mới, thuật ngữ “giao dịch” ngụ ý: sự quan sát không bị gián đoạn, tách

biệt mà nằm trong tổng thể tình huống. Người nhận thức, sự nhận thức và điều được nhận thức có thể xem như là các khía cạnh của một quá trình, mỗi nhân tố này là điều kiện, đồng thời cũng được tạo điều kiện bởi nhân tố kia trong một tình huống tạo lập tương hỗ.

Như vậy, có thể nói thuật ngữ “giao dịch” mà L.M. Rosenblatt sử dụng bắt đầu từ gợi ý và ảnh hưởng quan điểm của J. Dewey. Những diễn giải trên đây cho thấy, bà quan niệm “*giao dịch*” *văn học là một quá trình tham gia, thâm nhập, trao đổi, thương lượng giữa các nhân tố văn bản và người đọc trong một chỉnh thể hữu cơ tác động qua lại lẫn nhau không thể chia tách, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia. “Giao dịch” được xảy ra trong sự kiện đọc. Kết quả của quá trình giao dịch là nghĩa của tác phẩm được xây dựng, là sự biến đổi về chất của cả hai nhân tố trong một quá trình: Từ một cá nhân trở thành một người đọc; và từ một vật tạo tác (artifact) trở thành tác phẩm văn chương.*

“*Giao dịch*” trong sự kiện đọc tạo nên nghĩa của tác phẩm, như tác giả từng khẳng định “Tôi tán thành thuật ngữ “giao dịch” để nhấn mạnh rằng nghĩa đang được xây dựng thông qua mối quan hệ qua lại giữa người đọc và văn bản trong một sự kiện đọc” [3; tr 18] “Mọi hành động đọc là một sự kiện, hoặc một giao dịch liên quan đến một người đọc cụ thể và một mô hình trong các dấu hiệu cụ thể - một văn bản, xảy ra tại một thời điểm cụ thể, trong một bối cảnh cụ thể. Thay vì hai thực thể cố định tác động vào nhau, người đọc và văn bản là hai khía cạnh của một tình huống năng động tổng thể. Nghĩa không nằm sẵn trong “văn bản” hay trong “người đọc” mà sẽ xảy ra hoặc được hình thành trong suốt quá trình giao dịch giữa người đọc và văn bản” [3; tr 37].

Khi tạo ra hiệu ứng ảnh hưởng mạnh mẽ vào hoạt động nghiên cứu và dạy đọc văn nói chung, thuật ngữ “giao dịch” của tác giả được sử dụng, trích dẫn trong rất nhiều công trình. Bài báo “*Quan điểm: giao dịch so với tương tác - một hoạt động giải cứu thuật ngữ*” ra đời (1985) với cảnh báo từ ý tưởng phụ đề “Hứng thú và nguy hiểm trong trích dẫn”. Tại bài viết này, tác giả đã phân định rõ thuật ngữ “giao dịch” và “tương tác” là sự phản ánh của các mô hình lí thuyết khác nhau. Vì vậy, thêm một lần nữa, tư tưởng khoa học về giao dịch văn học giữa người đọc với văn bản như một sự thâm nhập, trao đổi, thương lượng, trong một chỉnh thể hữu cơ không thể chia tách, một tình huống, chứ không phải mối quan hệ tuyến tính giữa các thực thể độc lập, tách biệt, được nhấn mạnh. Một cách hình dung cơ học, máy móc, cứng nhắc về sự va đập của những quả bi-a

trên bản (ví dụ của L.M. Rosenblatt) như vậy không thể áp dụng cho hoạt động đọc và mối quan hệ giữa văn bản và độc giả trong hoạt động này.

Cùng với “giao dịch”, chữ “hồi ứng” cũng xuất hiện với mật độ khá dày trong các công trình của L.M. Rosenblatt. Hồi ứng như quan điểm của tác giả nằm trong “hệ thống” sau: Quá trình đọc (được quan niệm là quá trình giao dịch giữa người đọc và văn bản): Người đọc lựa chọn lập trường đọc (li tâm hoặc thẩm mỹ) - gọi lên, hồi ứng và diễn giải/cắt nghĩa (người đọc bày tỏ sự hồi ứng và bày tỏ sự cắt nghĩa). Như vậy, *hồi ứng là “dòng thứ hai”* [3; tr 15], *xuất hiện đồng thời với dòng thứ nhất là những gọi lên từ văn bản*. Chúng có thể là những cảm nhận, một tình trạng chung của tâm trí, một cảm giác nghi ngờ hay tán thành, những phản hồi hiện sinh của độc giả với tất cả những gì đang được câu chữ trên văn bản gọi ra. Mọi người thường hay hiểu hồi ứng xuất hiện tiếp sau sự kiện đọc, song thực tế chúng xuất hiện gần như đồng thời, trở thành một dòng chảy kép không thể phân tách trong sự kiện đọc. Ở một bài báo khác, L.M. Rosenblatt khẳng định “*Thuật ngữ hồi ứng cũng nên được hiểu là bao gồm nhiều hoạt động*” [3; tr 33] và trở thành *một kĩ thuật để thực nghiệm nghiên cứu về giao dịch đọc của HS*. Người nghiên cứu dựa vào các hình thức chia sẻ hồi ứng của độc giả để xác định quá trình giao dịch văn học đã diễn ra như thế nào bên trong người đọc.

Từ một khái niệm bộ phận trong công trình của L.M. Rosenblatt, “hồi ứng” trở thành khái niệm cốt lõi trong sự phát triển lí thuyết này của các tác giả như Beach, Marshall, Probst, Janet Mc Intosh, Alain Purves, Walter Slatoff,... Theo các tác giả này, “Trung tâm của giáo trình không phải là tác phẩm văn học mà là tâm hồn trẻ em khi gặp gỡ quyển sách. Đó là hồi ứng” (Alain Purves). Như vậy *hồi ứng đã được mở rộng chiều kích - là toàn bộ tâm hồn của bạn đọc HS khi gặp gỡ văn bản trong sự kiện đọc*. Nếu như “giao dịch” có đặc điểm là tính chất gắn bó hữu cơ, không thể phân tách giữa các mặt của một quá trình trong sự kiện đọc, thì hồi ứng được các nhà nghiên cứu nhấn mạnh ở bản chất hoạt động, tính năng động, tích cực của nó. Hồi ứng là hoạt động diễn ra bên trong của độc giả khi tiếp xúc với văn bản, thể hiện tư cách chủ thể của người đọc khi chiếm lĩnh đối tượng văn bản. Bởi vậy, hồi ứng có vai trò quan trọng trong giao dịch người đọc-văn bản. Hồi ứng văn học cho thấy vai của độc giả là “người quan sát”, tuy không thể tham gia, tác động vào sự kiện trong văn bản, song rất tích cực trong việc tìm ra ý nghĩa của sự kiện ấy đối với bản thân mình.

Như vậy *hồi ứng là những hoạt động diễn ra trong tâm trí của người đọc khi tiếp xúc với văn bản. Hồi ứng*

được khơi gợi, lựa chọn, tổ chức dựa trên văn bản; dựa trên nền tảng tâm lí sinh lí, nền tảng văn hóa xã hội, kinh nghiệm đời sống, kinh nghiệm thẩm mỹ, hệ giá trị của mỗi cá nhân độc giả; và những tác động của bối cảnh đọc. Hoạt động hồi ứng trải ra ở các phạm vi và mức độ khác nhau. Từ những phản ứng, cảm xúc, trực giác tức thời cho tới những cắt nghĩa, lí giải...

Những phản hồi, cộng hưởng, đồng điệu... này được nhìn nhận từ các hướng tiếp cận khác nhau: từ văn bản, từ trải nghiệm của độc giả, từ nền tảng văn hóa, nền tảng xã hội, từ đặc thù tâm lí của chủ thể tiếp nhận. Đây là một sự “nới rộng” chiều kích so với xuất phát điểm ban đầu chủ yếu là những trải nghiệm của một bạn đọc cụ thể, trong một ngữ cảnh đọc cụ thể, trước một văn bản xác định như quan niệm của L.M. Rosenblatt. Ở đó, tính “cụ thể” trong đối tượng bạn đọc dường như chú trọng vào khoảnh khắc hiện sinh với tâm thế, cảm xúc, những kinh nghiệm đời sống và kinh nghiệm văn học đã trải,... những yếu tố hết sức đặc thù, không thể có bản sao, không bao giờ lặp lại, mà chưa tính đến những “hàng số” khác, chẳng hạn như nền tảng văn hóa, tâm lí,... chung. Những nghiên cứu của chính L.M. Rosenblatt sau này và R.W. Beach, J.D. Marshall, S. Fish, R.E. Probst, J.A. Langer,... là một sự bổ sung cần thiết để tạo thành lí thuyết giao dịch - hồi ứng trong hoạt động đọc văn của bạn đọc HS, chuyển lí luận của L.M. Rosenblatt từ chỗ khởi đầu là một lí thuyết văn học sang địa hạt của lí thuyết hành dụng - lí thuyết dạy học văn trong nhà trường phổ thông.

3. Một vài lưu ý khi vận dụng lí thuyết giao dịch - hồi ứng vào dạy học văn ở trường phổ thông Việt Nam

Lí thuyết giao dịch - hồi ứng là mảnh đất giàu tiềm năng khi gắn với việc giảng dạy và học tập văn chương trong nhà trường phổ thông các cấp. Tuy nhiên, cũng như nhiều quan điểm dạy học văn khác, lí thuyết này cũng không phải là công cụ “vạn năng”, đặc biệt không thể cực đoan khi vận dụng. Nhấn mạnh và khẳng định sự chủ động của người đọc trong quá trình tiếp nhận, chú ý đến phản ứng và đáp ứng của HS trong giờ văn là một xu thế tất yếu, nhưng không được “tuyệt đối hóa” hay “cường điệu hóa” những thích thú hay sở thích của HS. Trong nhà trường cần phải kết hợp hài hòa giữa hứng thú cá nhân người học với định hướng sư phạm của người thầy. Không phải ngẫu nhiên một số nhà nghiên cứu lo ngại việc vận dụng lí thuyết giao dịch - hồi ứng có thể dẫn đến thực tế cho phép bất kì sự hiểu nào về một văn bản đều là hợp lệ.

(Xem tiếp trang 59)

những nghiên cứu về một số bệnh di truyền thường gặp ở địa phương. GV cần lưu ý rằng, nội dung của các nghiên cứu này không nên quá phức tạp, có thể chỉ là những con số thống kê hoặc chỉ yêu cầu HS giải thích đơn giản.

- *Xây dựng nguồn tài liệu hỗ trợ tham khảo*: Sách giáo khoa **Sinh học 12** (bài 4, 5, 6, 21, 22); giáo trình “*Di truyền học*” của Phạm Thành Hồ (2010) - NXB Giáo dục Việt Nam; giáo trình “*Di truyền học*” của Phan Cự Nhân (2004) - NXB Đại học Sư phạm; trang Web: www.cancer.gov; www.academia.edu; <http://vi.m.wikipedia.org>

- *Chuẩn bị các điều kiện thực hiện dự án*: GV chuẩn bị các hình ảnh, clip về bệnh tật di truyền ở người và hiện trạng ô nhiễm môi trường để tuyên truyền, tạo động cơ cho HS tham gia vào dự án; triển khai đến GV trong trường, gửi giấy giới thiệu của nhà trường về địa phương để giúp HS liên hệ, trao đổi, tư vấn thuận lợi hơn; trao đổi với phụ huynh HS để có thể tạo điều kiện về kinh phí giúp các em hoàn thành dự án; chuẩn bị máy ảnh, máy tính, máy chiếu, bút dạ, giấy A₀.

2.3. Tiến trình bài dạy thực hiện dự án (xem bảng trang trước):

Để thực hiện thành công một dự án học tập, GV cần phải nắm vững tiến trình thực hiện một dự án, nắm bắt được những vấn đề xã hội nổi cộm mà HS có thể giải quyết được để xây dựng chủ đề của dự án. Với những thế mạnh của DHDA, HS không những nắm bắt được kiến thức dễ dàng mà còn phát triển nhiều kĩ năng khác nhau. Đây là điều cần thiết và phù hợp với định hướng phát triển giáo dục: “Chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung sang dạy học tiếp cận năng lực”. Vì vậy, DHDA được lựa chọn là phương pháp hữu hiệu cho sự thay đổi lớn của phương pháp dạy học tương lai. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Bá Hoàn - Trịnh Nguyên Giao (2000). *Phát triển các phương pháp học tập tích cực trong bộ môn sinh học*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Thế Hưng (2012). *Phương pháp dạy học Sinh học ở trường trung học phổ thông*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Phạm Văn Lập (chủ biên) (2011). *Sinh học 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Đỗ Hương Trà (2007). *Dạy học dự án và tiến trình thực hiện*. Tạp chí Giáo dục, số 157, tr 30-32.
- [5] Nguyễn Thị Diệu Thảo - Nguyễn Văn Cường (2004). *Dạy học theo dự án - một phương pháp có chức năng kép trong đào tạo giáo viên*. Tạp chí Giáo dục, số 80, tr 17-18.

Tiếp cận lí thuyết giao dịch...

(Tiếp theo trang 50)

Sự lo ngại khác lại đến từ việc nếu thuyết Phê bình mới tuyệt đối vai trò của văn bản dẫn đến cách đọc khép kín, đọc khách quan,... mang tính chất cực đoan và bị chính lí thuyết giao dịch - hồi ứng bác bỏ, thì đến lượt mình liệu vai trò của người đọc có bị đẩy lên quá mức và khi đó văn bản, vai trò người nghệ sĩ sáng tạo tác phẩm bị hoàn toàn bỏ qua, hoặc khó có thể giải thích đúng một văn bản mà không tính đến văn hóa hay thời đại mà nó được viết ra là như thế nào?

Dạy học tác phẩm văn chương ở Việt Nam đã có bề dày lịch sử gắn với lối giảng sách, bình văn thời phong kiến đến ảnh hưởng từ nhà trường Pháp, Liên Xô,... và cho đến nay, dấu đã chuyển hướng về mặt lí luận sang dạy đọc hiểu văn bản, nhưng thực tiễn vẫn có sức i đáng kể bởi cách dạy, không dễ được loại bỏ trong ngày một ngày hai. Trong khi đó, lí thuyết giao dịch - hồi ứng đến từ một môi trường giáo dục và truyền thống dạy học có nhiều điểm rất khác biệt so với chúng ta. Vì vậy, lựa chọn để áp dụng lí thuyết này vào việc dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường phổ thông của Việt Nam như thế nào cho phù hợp, hiệu quả, cũng là một câu hỏi cần suy nghĩ để trả lời thấu đáo. Quy trình áp dụng sẽ như thế nào? Đây là những khó khăn cụ thể có thể gặp khi áp dụng? Dạy học tác phẩm văn chương theo lí thuyết giao dịch - hồi ứng thì việc đánh giá sẽ phải thay đổi ra sao? Đây có lẽ là những câu hỏi chúng ta cần quan tâm tìm kiếm câu trả lời trong quá trình nghiên cứu và vận dụng để dạy học văn giúp cho bạn đọc HS nhận ra được niềm vui và hạnh phúc trong học văn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] IU.M.Lotman (2016). *Kí hiệu học văn hóa* (người dịch: Lã Nguyên - Đỗ Hải Phong - Trần Đình Sử). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Rosenblatt, Louise M (1994). *The Reader, the Text, the Poem: The Transactional Theory of the Literary Work*, Southern Illinois University Press.
- [3] Rosenblatt, Louise M (2005). *Making meaning with the texts, selected essays*, Heinemann.
- [4] Trần Đình Sử (2016). *Đưa kí hiệu học vào môn đọc văn trung học phổ thông*, trích từ *Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phạm Thị Thu Hương (2016, in lần thứ hai). *Tiếp cận hồi ứng trải nghiệm của bạn đọc học sinh trong dạy học tác phẩm văn chương*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc. NXB Giáo dục Việt Nam.